



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

Ngày 31/03/2025	6,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	-5.3%	16.0%

DT thuần Q1/25
512
tỷ VNĐ
QoQ: ▼45.0 -8.0%
YoY: ▼22.0 -4.0%

LN thuần Q1/25
57.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼47.1 -44.8%
YoY: ▼14.3 -19.8%

LN sau thuế Q1/25
43.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.4 -37.9%
YoY: ▼10.3 -19.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
15.3%
YoY: +/-▼ 5.4%

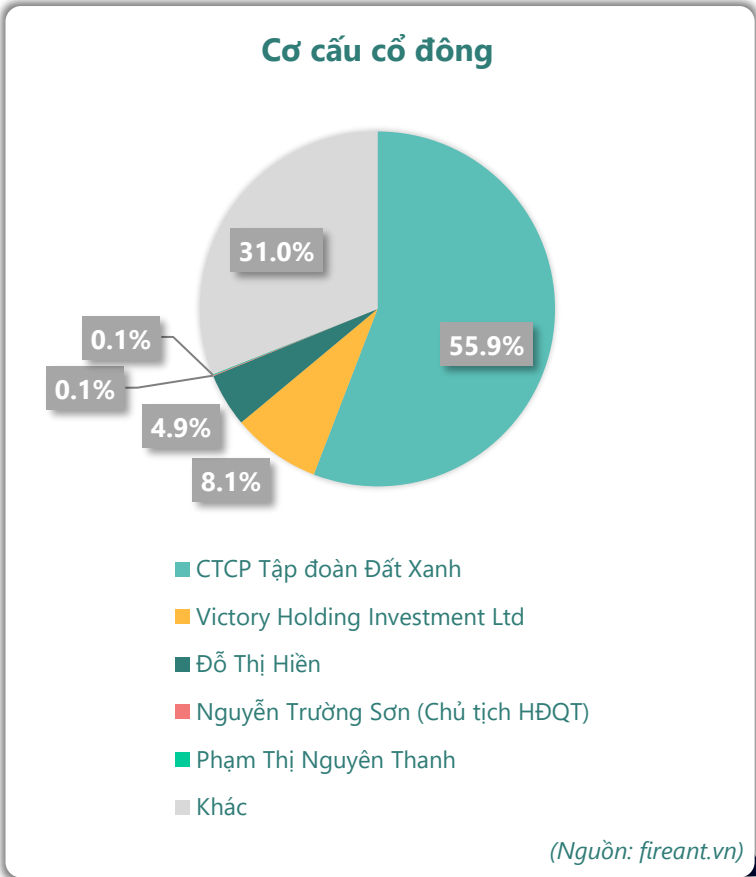
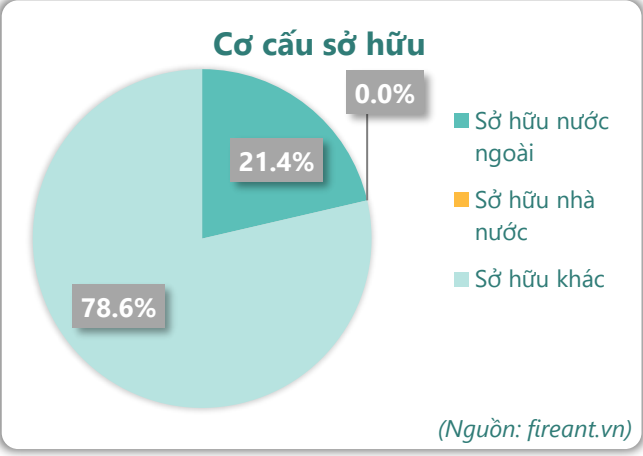
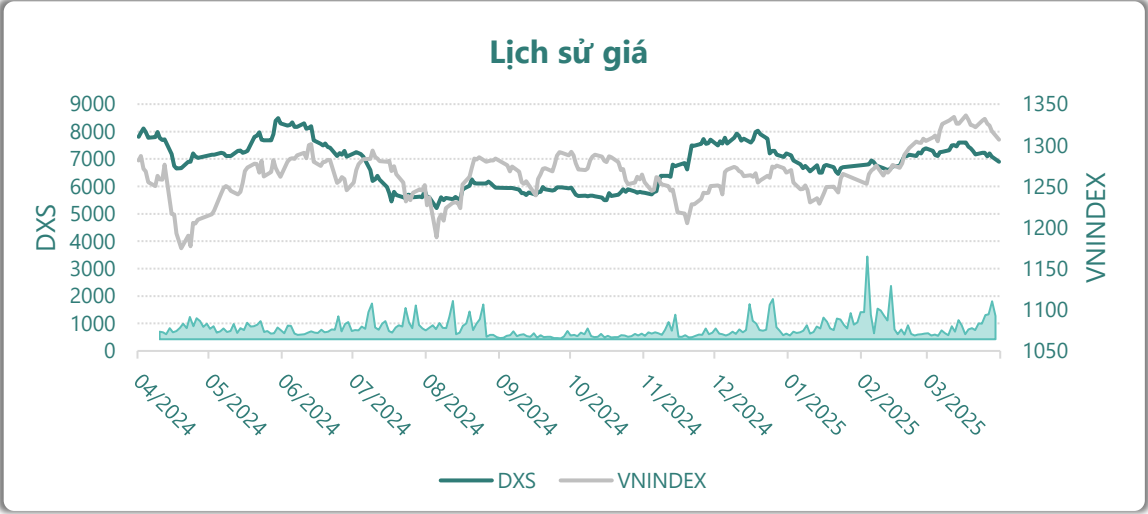
ROE (TTM) Q1/25
1.8%
YoY: +/-▲ 0.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,210 - 8,490
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,996
Số lượng CPLH (CP)	579,103,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,985,940
Sở hữu nước ngoài	21.4%
Beta	1.56
EPS	258
P/E	26.7

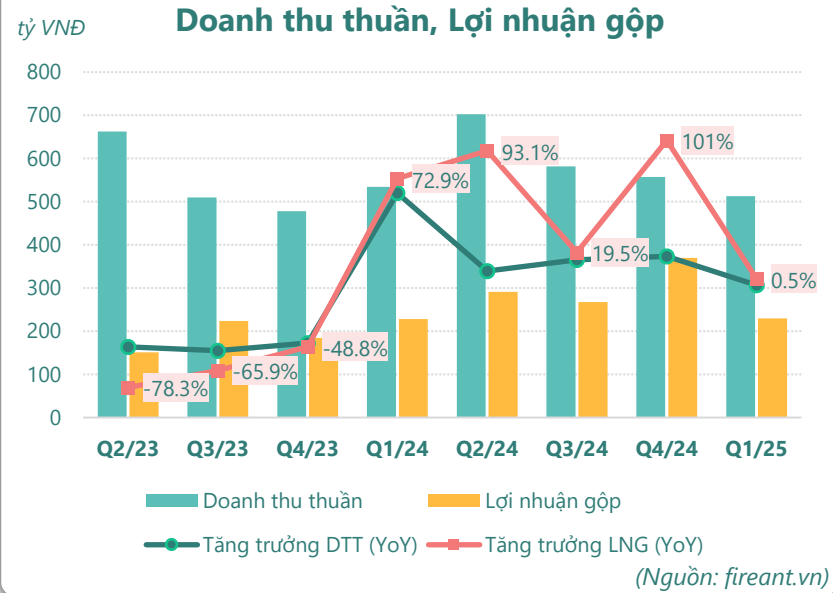
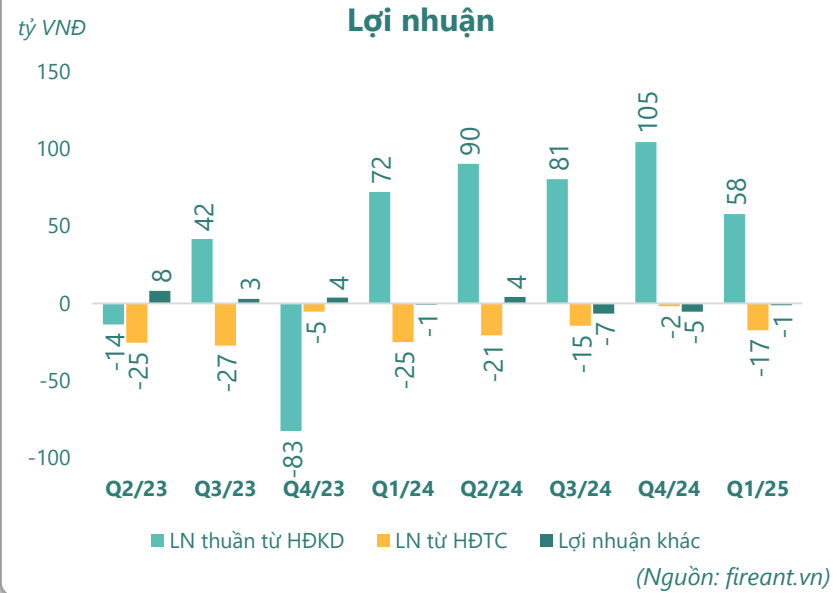
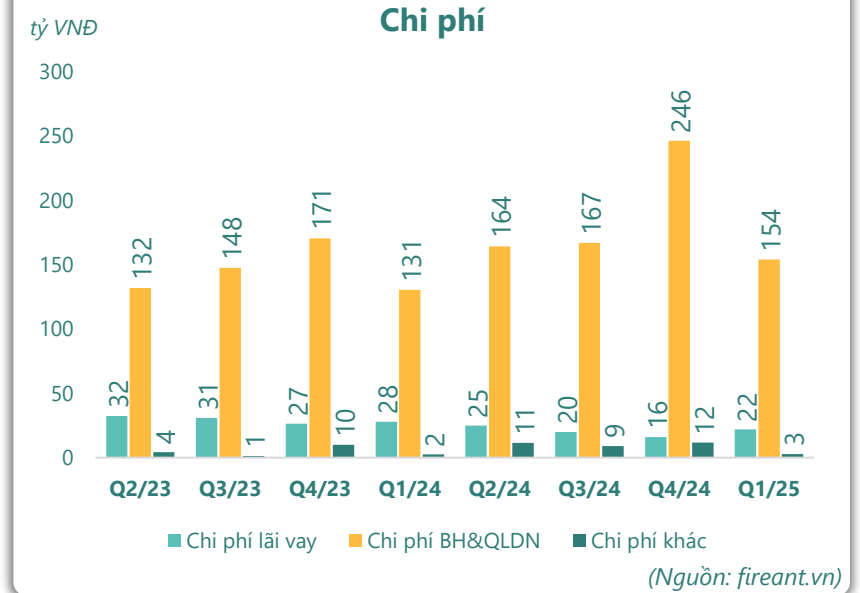
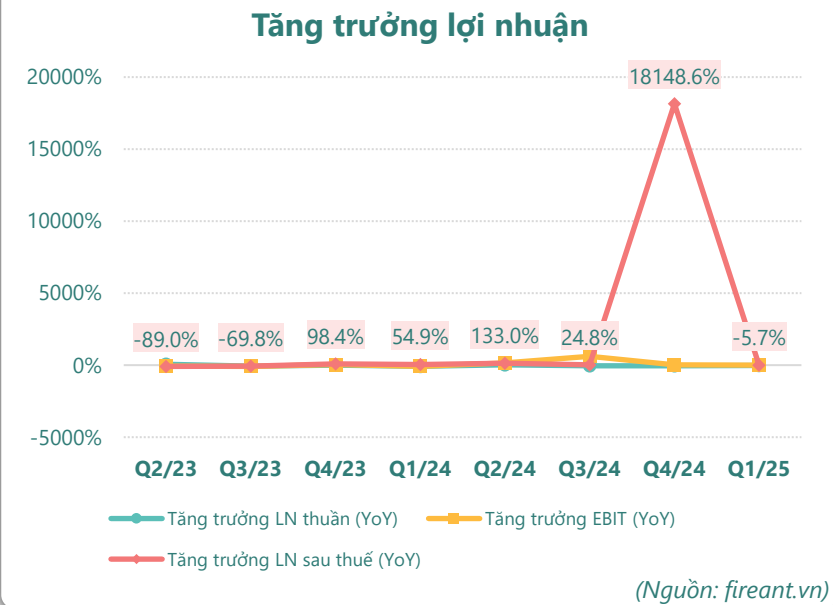
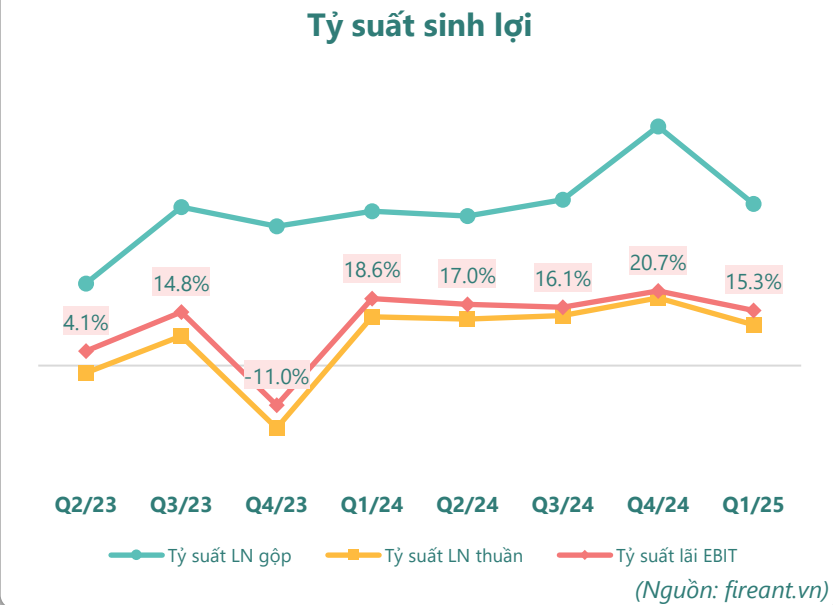
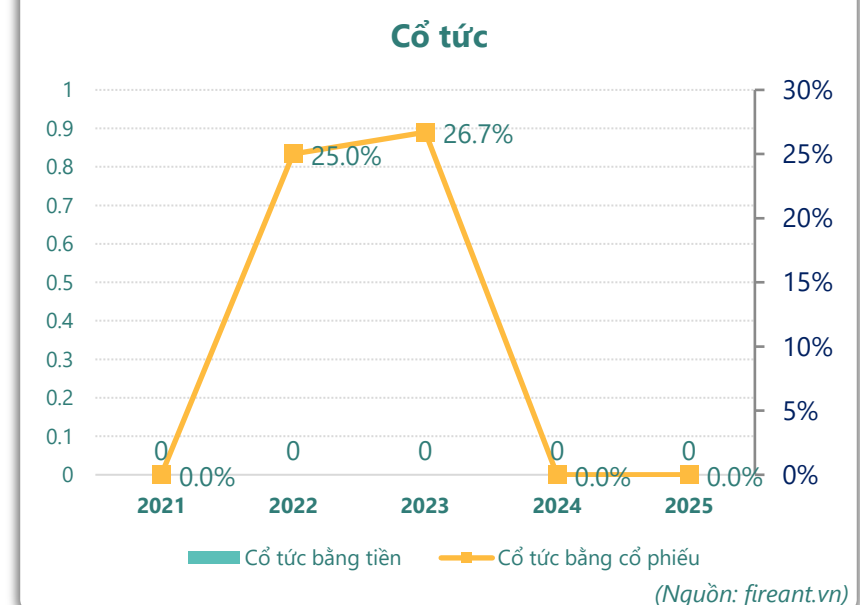
DT thuần 2024
2,438
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 441 22.1%

LN thuần 2024
335
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 422 484%

LN sau thuế 2024
248
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 408 255%



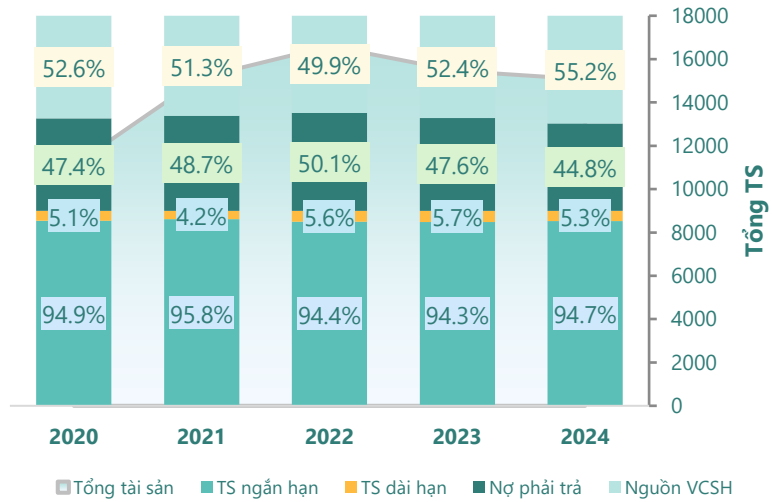
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

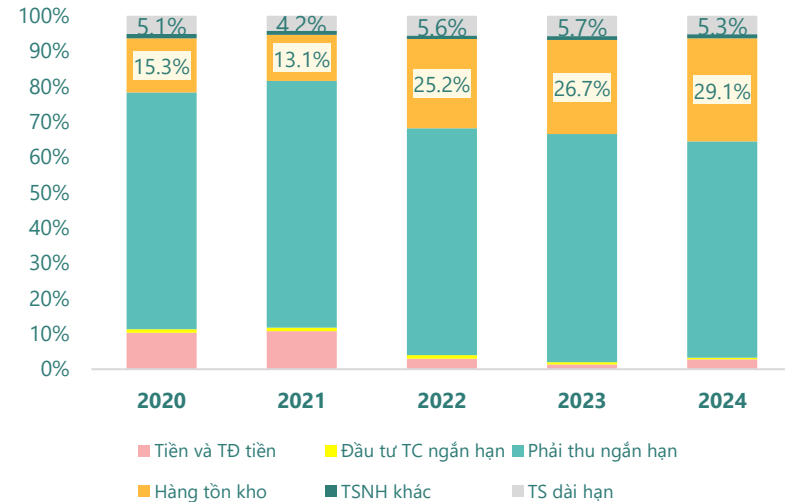
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

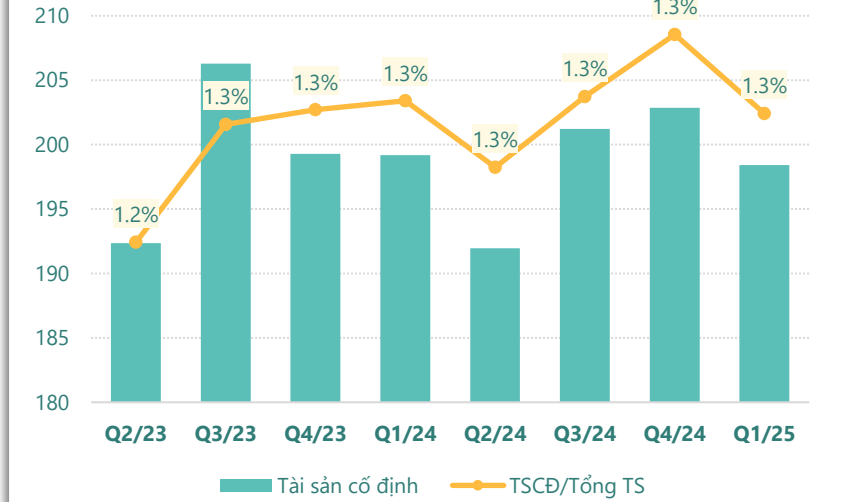
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

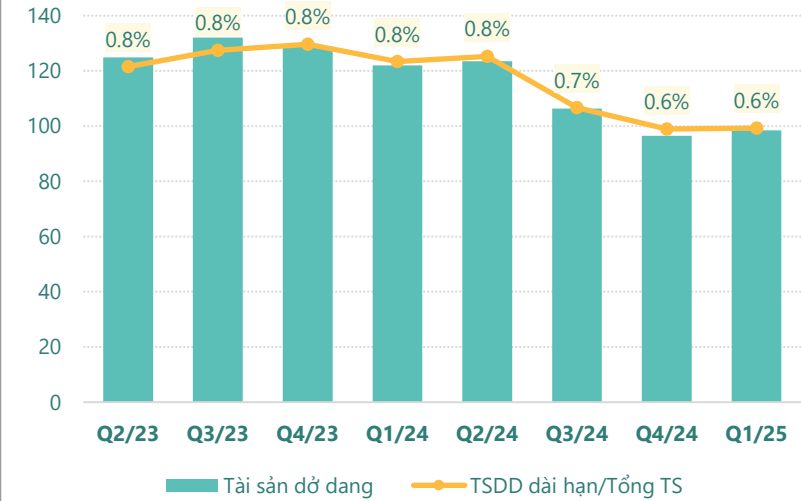
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

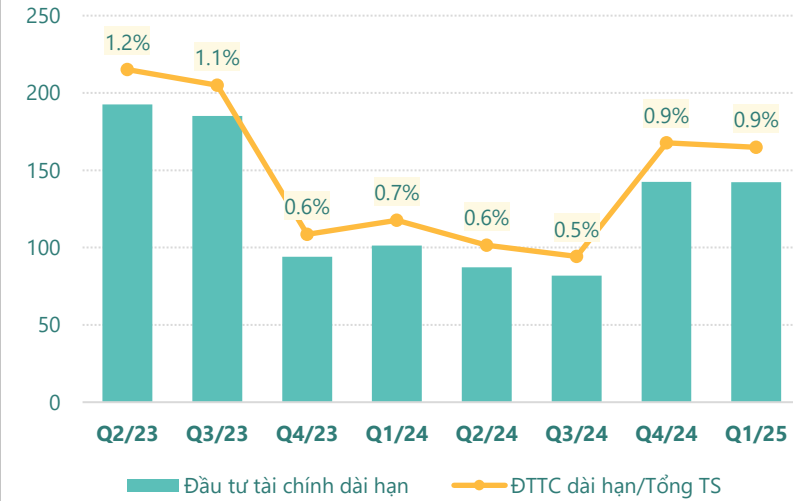
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

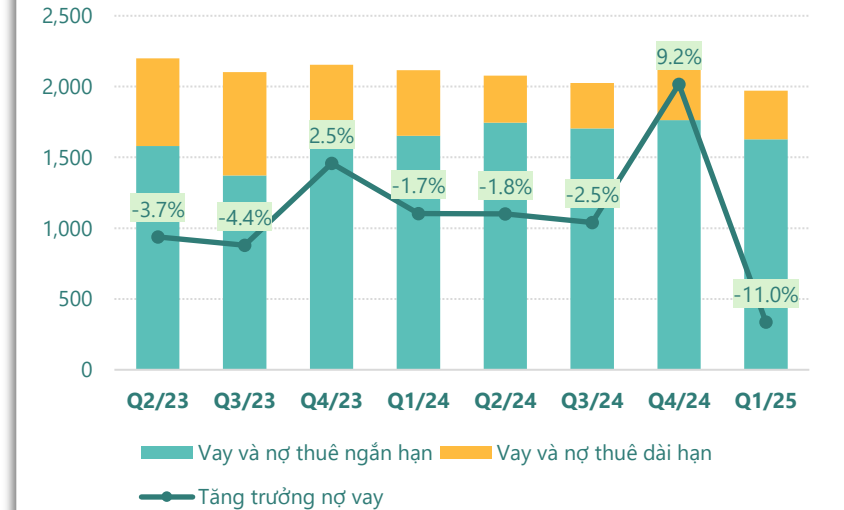
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

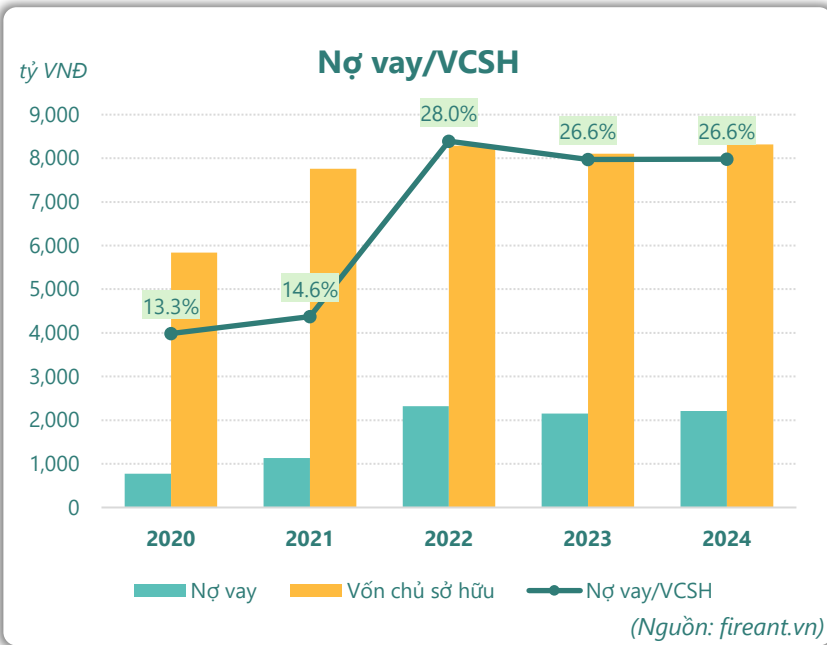
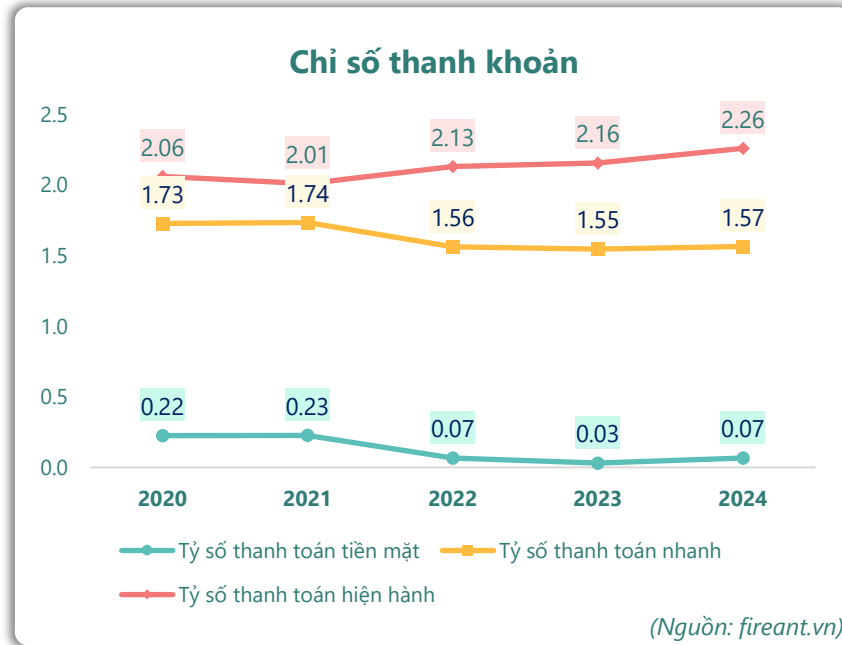
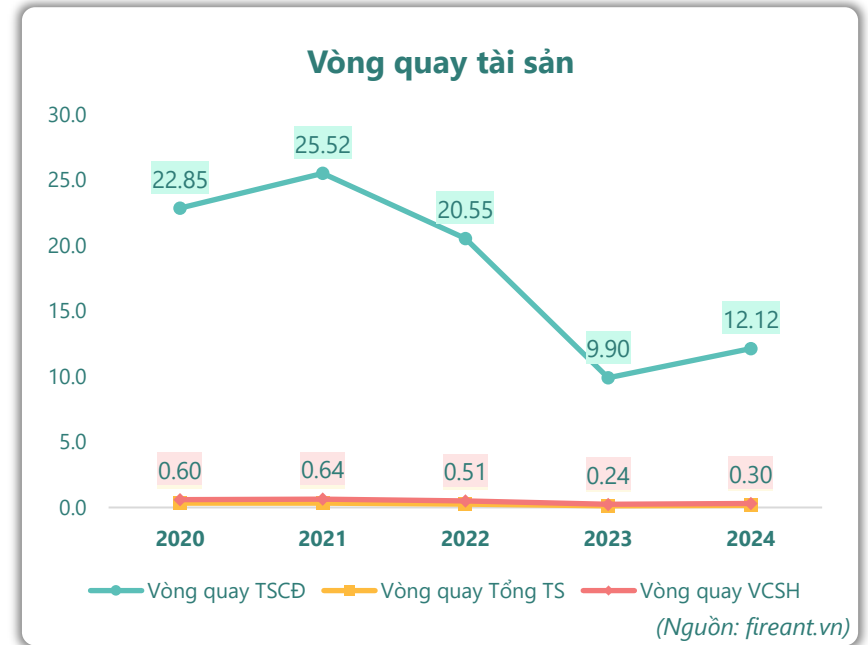
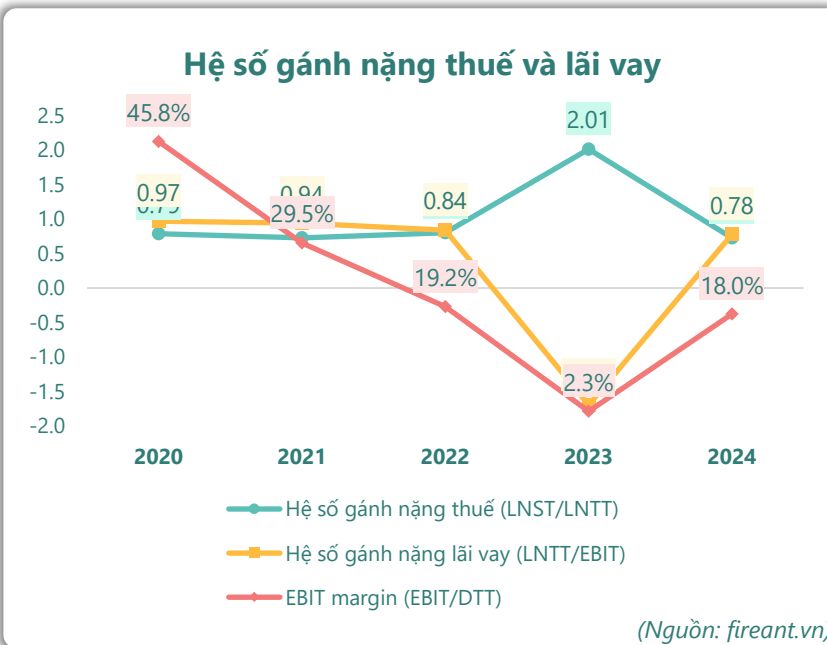
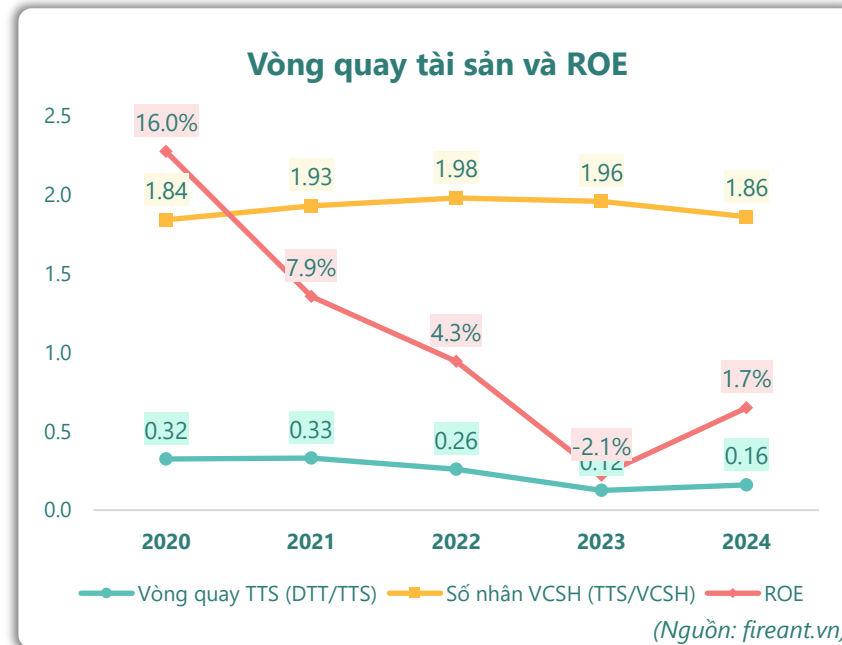
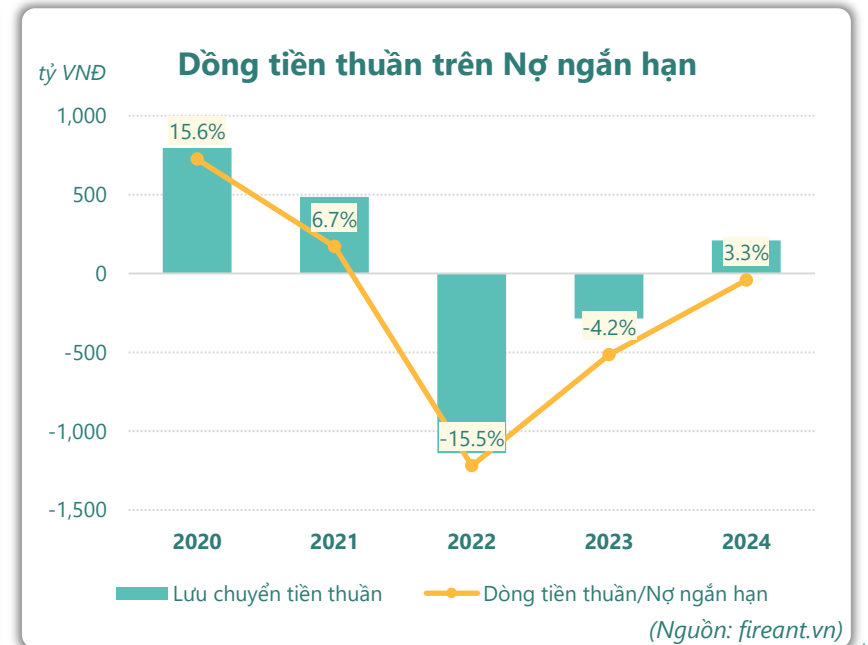
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	512	534	-4.0%	2,438	1,997	22.1%
Giá vốn hàng bán	283	306	-7.6%	1,260	1,287	-2.1%
Lợi nhuận gộp	230	228	0.7%	1,178	710	65.8%
Doanh thu HĐTC	4.39	3.47	26.4%	31.4	47.7	-34.2%
Chi phí TC	21.8	28.6	-23.7%	103	134	-23.6%
Chi phí lãi vay	21.8	27.9	-21.7%	97.9	126	-22.6%
LN trong công ty LKLD	-0.08	-0.55	85.5%	-38.6	-107	64.0%
Chi phí bán hàng	96.2	77.4	24.2%	443	325	36.2%
Chi phí QLDN	58.0	53.1	9.2%	290	278	4.2%
LN thuần từ HĐKD	57.9	72.2	-19.8%	335	-87.3	484%
Lợi nhuận khác	-1.18	-0.75	-56.8%	6.60	7.72	-14.4%
LN trước thuế	56.8	71.5	-20.6%	341	-79.5	529%
Lợi nhuận sau thuế	43.3	53.6	-19.3%	248	-160	255%
LNST của CĐ cty mẹ	40.1	31.2	28.4%	141	-168	184%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-63.4	140	117	52.7	-92.2	113
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.73	22.1	15.5	-27.0	-79.3	9.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.6	-38.1	-41.7	-52.1	192	-242
Tiền đầu kỳ	250	207	331	422	396	416
Lưu chuyển tiền thuần	-43.1	124	91.3	-26.4	20.5	-120
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	207	331	422	396	416	296

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,420	15,069	2.3%
Tài sản ngắn hạn	14,625	14,276	2.4%
Tiền và tương đương tiền	296	416	-28.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	84.5	77.6	8.9%
Phải thu ngắn hạn	9,643	9,221	4.6%
Hàng tồn kho	4,442	4,391	1.2%
Tài sản ngắn hạn khác	159	171	-6.6%
Tài sản dài hạn	794	792	0.3%
Phải thu dài hạn	78.9	79.1	-0.3%
Tài sản cố định	198	203	-2.2%
Bất động sản đầu tư	62.4	63.0	-0.9%
Tài sản dở dang	98.5	96.5	2.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	142	142	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	104	93.2	11.5%
Lợi thế thương mại	110	115	-4.6%
Nợ phải trả	7,059	6,752	4.6%
Nợ ngắn hạn	6,657	6,313	5.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,629	1,834	-11.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	330	290	13.6%
Nợ dài hạn	403	439	-8.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	342	378	-9.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,360	8,316	0.5%
Vốn chủ sở hữu	8,360	8,316	0.5%
Vốn điều lệ	5,791	5,791	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

